



VIETFUND
MANAGEMENT

ĐIỂM TIN THÁNG 10.2014

Được phát hành vào ngày 12/11/2014



MỤC LỤC

Kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán Tháng 10/2014

Kinh tế vĩ mô

Thị trường chứng khoán

Tình hình hoạt động và đầu tư của Quỹ

Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFMVF1)

Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng Đầu Việt Nam (VFMVF4)

Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFMVFA)

Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt Nam (VFMVFB)

Quỹ ETF VFMVN30 (E1VFN30)

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

QUỸ ĐẦU TƯ VF1

Tháng 10 - 2014

THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVF1
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VND
Ngày bắt đầu hoạt động	20/05/2004
Ngày chuyển đổi sang quỹ mở	08/10/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Standard Chartered Bank VN.
Đại lý chuyển nhượng	Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)
Đại lý phân phối	HSC, FPT, KIS, SBS, SSI, VCBS, VSC, VCSC, VDSC, VFM
Phí quản lý	1.95%/NAV/năm
Phí phát hành	Từ 0.2% đến 1% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0% đến 1.5% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0.2% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	Hàng ngày (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1)
Phân phối lợi nhuận	Tái tục đầu tư

Tổng NAV (tỷ VNĐ)	970.7
Số lượng CCQ đang lưu hành	42,308,994.0
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	23,917.2
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	18,812.3
Tỷ lệ chi phí (%)	2.4
Vòng quay tài sản 12 tháng (%)	69.7

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ VFMVF1 tìm kiếm lợi nhuận dài hạn từ tăng trưởng vốn gốc và thu nhập thông qua việc đầu tư vào danh mục cân bằng và đa dạng gồm các loại chứng khoán vốn, trái phiếu chuyển đổi, chứng khoán nợ trên thị trường Việt Nam.

Trong điều kiện bình thường, Quỹ sẽ duy trì mục tiêu phân bổ đầu tư khoảng 20% NAV vào chứng khoán nợ và tiền, 80% vào chứng khoán vốn. Cổ phiếu được lựa chọn theo phương pháp bottom-up, dựa trên mô hình kinh doanh, lợi nhuận dài hạn, giá trị tài sản, tiềm năng dòng tiền ổn định, và chất lượng của đội ngũ quản lý. Trong một số trường hợp, Quỹ có thể thay đổi tỷ lệ phân bổ tài sản giữa cổ phiếu và trái phiếu ở mức +/-10% NAV so với tỷ trọng mục tiêu nhằm nắm bắt tốt nhất cơ hội tăng trưởng hoặc giảm thiểu

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Tại 31/10/2014, giá trị tài sản ròng của VF1 là 970.7 tỷ đồng, tương đương với 22,943.9 đồng/ccq, giảm 0.2% so với cuối tháng 9/2014. Trong tháng 10, tăng trưởng của danh mục có sự phân hóa mạnh. Hầu hết các ngành đều bị điều chỉnh giảm. Các ngành có tăng trưởng dương gồm có F&B (chủ yếu từ DBC, +7.5%), Ngân hàng (VCB +6.1%, MBB +2.9%), Ô-tô & Phụ tùng (DRC +3.3%). Trong các ngành khác có một số cổ phiếu tăng trưởng tốt như là: HT1 (+16.8%), HSG (+13.7%). Trong tháng 10, các cổ phiếu tăng trưởng âm gây ảnh hưởng lớn lên giá trị tài sản ròng là HPG (-4.1%), PVD (-3.1%) và FPT (-1.9%), trong đó sự sụt giá của HPG và PVD chủ yếu do khối ngoại bán ròng.

Tháng 9 ghi nhận sự sụt giảm mạnh của lợi suất trái phiếu chính phủ ở tất cả các kỳ hạn, đặc biệt là các kỳ hạn dài do nhu cầu thu mua từ các ngân hàng. Trong đó lợi suất trái phiếu kỳ hạn 10 năm giảm 125 điểm cơ bản, còn của kỳ hạn 3 năm giảm khoảng 50 điểm cơ bản. Đầu tháng 10, quỹ đã thanh toán khoản đầu tư vào trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm (đầu giá vào tháng 8). Khoản đầu tư này có lợi suất 13.1%, tương đương lợi suất một năm là 68%.

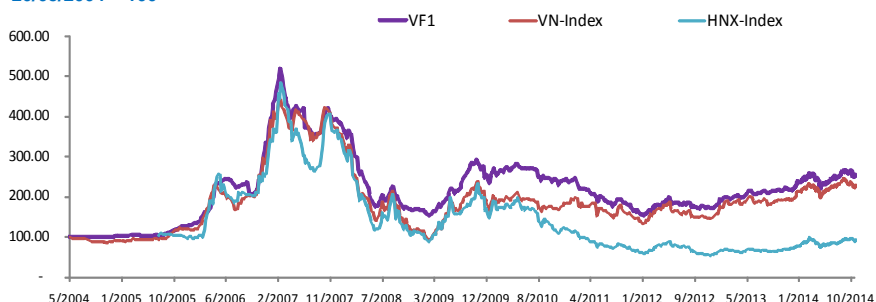
Kể từ đầu năm, VF1 tăng trưởng 20.4%, cao hơn VNIndex 1.3%. Các cổ phiếu chiếm tỷ trọng lớn (GAS, FPT, HPG, PVD, PVS, DBC) đều tăng trưởng tốt (hơn 30% kể từ đầu năm), đóng góp 86% vào lợi nhuận từ đầu tư năm 2014.

THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế 12 tháng	Lũy kế từ khi hoạt động (20/5/2004)
VFMVF1	22,943.9	(0.2)	4.1	20.4	21.8	129.4
VN-Index	600.8	0.3	0.8	19.1	20.8	129.7
HNX-Index	88.0	(0.7)	11.1	29.8	42.8	n/a

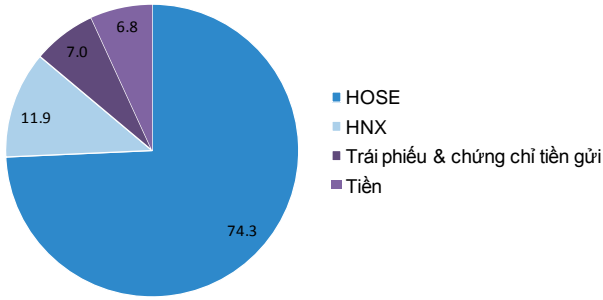
TĂNG TRƯỞNG NAV SO VỚI TĂNG TRƯỞNG INDEX

20/05/2004 = 100



(Đường tăng trưởng của VF1 bao gồm cổ tức đã chốt trả cho nhà đầu tư)

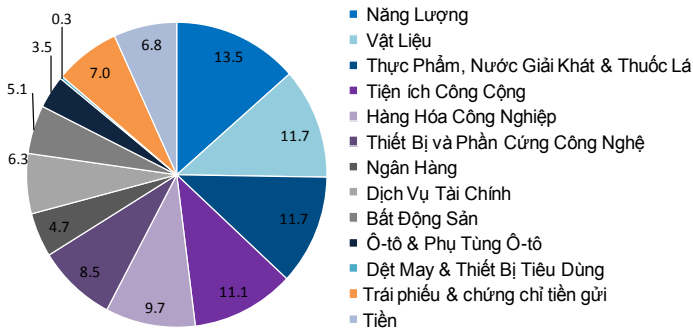
CƠ CẤU DANH MỤC THEO TÀI SẢN (%NAV)



5 CP CHIẾM TỶ TRỌNG LỚN

Cổ phiếu	Nhóm ngành	Sàn giao dịch	% NAV
GAS	Tiện ích Công Cộng	HOSE	11.1
FPT	Thiết Bị và Phần Cứng Công Nghệ	HOSE	8.5
HPG	Vật Liệu	HOSE	7.0
PVD	Năng Lượng	HOSE	6.8
PVS	Năng Lượng	HNX	6.7

CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH (%NAV)



ĐẶC TRƯNG DANH MỤC ĐẦU TƯ

	VF1	VNIndex
P/E trung vị	11.7	10.3
P/E	11.9	14.6
P/B trung vị	2.1	1.0
P/B	2.0	2.0
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE (%)	21.4	13.9
Tỷ suất sinh lời của cổ tức (%)	3.5	3.8
Số lượng cổ phiếu	28	303

(Nguồn: VFM và Bloomberg)

CÁC GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

Tài sản đầu tư	Giới hạn
Tiền và tương đương tiền	49% TTS
Tài sản phát hành bởi nhóm công ty có quan hệ sở hữu	30% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	20% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	10% GTLH
Cổ phiếu/Trái phiếu chuẩn bị niêm yết/ĐKGD	10% TTS
Tổng hạng mục đầu tư lớn (từ 5%TTS trở lên)	40% TTS

(TTS: Tổng giá trị tài sản của Quỹ; GTLH: Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành; ĐKGD: Đăng ký giao dịch)

CHỈ SỐ RỦI RO

	VF1	VNIndex
Hệ số Beta	0.7	1.0
Độ lệch chuẩn (%)	16.5	16.3
Hệ số Sharpe	0.9	1.2

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

QUỸ ĐẦU TƯ VF4

Tháng 10 - 2014

THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVF4
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VND
Ngày bắt đầu hoạt động	28/02/2008
Ngày chuyển đổi sang quỹ mở	16/12/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Deutsche Bank AG - Tp.HCM
Đại lý chuyển nhượng	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)
Đại lý phân phối	HSC, FPT, KIS, SSI, VCSC, VDSC, VFM, VCBS, SBS
Phí quản lý	1.93%
Phí phát hành	Từ 0.2% đến 1% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0% đến 1.5% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0.2% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi.
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	Thứ Tư hàng tuần (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Tái tục đầu tư

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu của Quỹ VFMVF4 là tìm kiếm lợi nhuận dài hạn từ tăng trưởng vốn gốc và cổ tức thông qua việc đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản của nền kinh tế Việt Nam. Các doanh nghiệp đầu tư là các doanh nghiệp giá trị lớn đã và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Quỹ sử dụng phương pháp phân tích cơ bản làm nguyên tắc đầu tư chủ đạo nhằm thẩm định tiềm năng tăng trưởng, tính bền vững và rủi ro của các khoản đầu tư.

Tỷ trọng đầu tư vào chứng khoán vốn của Quỹ VF4 có thể đạt tới 100% tổng tài sản của Quỹ. Ngoài ra, để tạo sự linh hoạt trong việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư cũng như gia tăng giá trị các khoản tiền nhàn rỗi trong ngắn hạn, Quỹ VF4 cũng có thể đầu tư vào các loại chứng khoán nợ. Trong điều kiện bình thường, tỷ trọng các tài sản khác với chứng khoán vốn (như tiền và tài sản tương đương tiền, chứng khoán nợ...) không vượt quá 20% tổng tài sản của Quỹ.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Tại ngày 31/10/2014, giá trị tài sản ròng (NAV) của VF4 là 452.2 tỷ đồng, tương đương với 10,341.0 đồng/ccq, giảm 0.7% so với cuối tháng 9/2014. Ảnh hưởng nhiều nhất đến kết quả hoạt động của Quỹ VF4 trong tháng 10 là 3 cổ phiếu đang chiếm tỷ trọng lớn trong danh mục đầu tư là GAS, PVD, HPG khi thị giá các cổ phiếu này giảm dưới áp lực bán của NĐT nước ngoài. Tuy nhiên, tính lũy kế 10 tháng đầu năm, nhóm cổ phiếu trên vẫn có tăng trưởng rất tốt và đóng góp hơn 40% trong lợi nhuận của VF4. Kết quả rà soát hoạt động của các cổ phiếu trên cho thấy các công ty này vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng cao trong năm 2014 và vẫn có tiềm năng tiếp tục tăng trưởng trong các năm tới. GAS với lợi thế là công ty đầu mối độc quyền phân phối các sản phẩm khí khô và LPG cho sản xuất điện, đạm và cho nhu cầu thương mại, GAS hưởng lợi lớn từ phí vận chuyển và chênh lệch giá tại mỏ Cửu Long và Nam Côn Sơn. Hiện nay, tuy giá dầu trên thị trường thế giới có xu hướng giảm, nhưng so với giá bán của GAS thì vẫn còn khoảng cách khá xa và GAS sẽ hưởng lợi khi giá dầu ra tiệm cận với giá thị trường. HPG năm 2014 đã vươn lên đứng đầu thị phần sản xuất thép xây dựng và lợi nhuận tăng trưởng gần 50% (chưa kể lợi nhuận khác từ dự án Mandarin Garden). HPG tiếp tục triển khai mở rộng khu liên hợp giai đoạn 3 tăng 60% công suất, tận dụng lợi thế về quy mô để giảm chi phí sản xuất, chi phí đầu tư, mở rộng thị trường xuất khẩu. Với PVD, lợi nhuận ước tính năm 2014 tăng trưởng gần 30% so với năm 2013. PVD có lợi thế khi sở hữu các giàn khoan trên và đang có kế hoạch đưa 2 giàn khoan mới vào hoạt động trong năm 2015 đón đầu nhu cầu rất lớn thay thế giàn khoan cũ trong các năm tới.

Ngoài ra, trong tháng 10, danh mục của VF4 có những điểm sáng nổi bật tăng trưởng cao hơn so với thị trường như VCB (+5.8%), KBC (+6.6%), HT1 (+12.7%), DRC (+2.7%) đóng góp tăng trưởng dương cho VF4. Tính lũy kế từ đầu năm, VF4 tăng trưởng 22.3%, vẫn vượt mức tăng trưởng của VNIndex 3.2%.

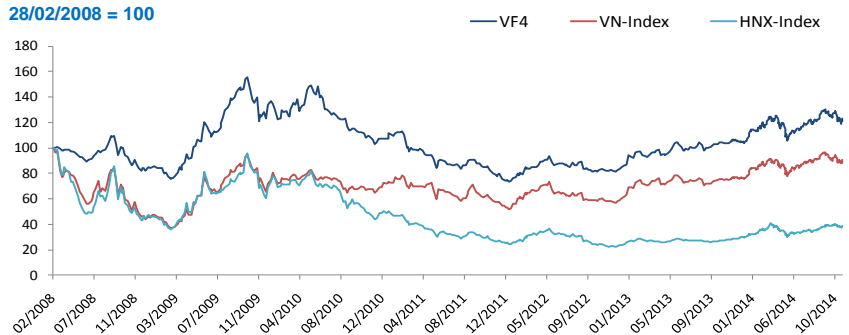
THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế 12 tháng	Lũy kế từ khi hoạt động (28/2/2008)
VFMVF4	10,341.0	(0.7)	3.0	22.3	23.5	23.4
VN-Index	600.8	0.3	0.8	19.1	20.8	(9.4)
HNX-Index	88.0	(0.7)	11.1	29.8	42.8	(61.4)

(*) Bao gồm cổ tức đã chốt trả cho nhà đầu tư

TĂNG TRƯỞNG NAV SO VỚI TĂNG TRƯỞNG INDEX

28/02/2008 = 100

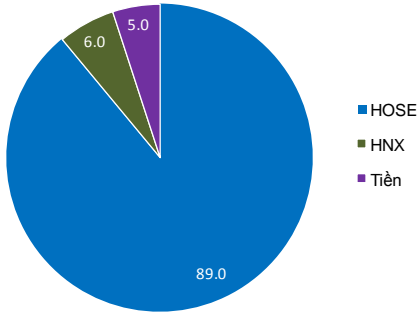


Bà Phan Thị Thu Thảo - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

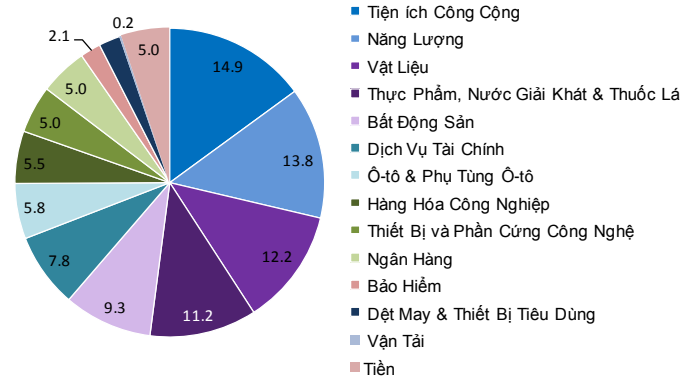
CƠ CẤU DANH MỤC THEO TÀI SẢN (%NAV)



5 CP CHIẾM TỶ TRỌNG LỚN

Cổ phiếu	Nhóm ngành	Sàn giao dịch	% NAV
GAS	Tiện ích Công Cộng	HOSE	14.9
PVD	Năng Lượng	HOSE	9.0
VNM	Thực Phẩm, NGK & Thuốc Lá	HOSE	8.1
HPG	Vật Liệu	HOSE	7.9
VCB	Ngân Hàng	HOSE	5.0

CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH (%NAV)



ĐẶC TRƯNG DANH MỤC ĐẦU TƯ

	VF4	VN-Index
P/E trung vị	14.4	10.3
P/E bình quân gia quyền	13.1	14.6
P/B trung vị	2.1	1.0
P/B bình quân gia quyền	2.3	2.0
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE (%)	22.4	13.9
Tỷ suất sinh lời của cổ tức (%)	3.0	3.8
Số lượng cổ phiếu	26	303

(Nguồn: VFM và Bloomberg)

CÁC GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

Tài sản đầu tư	Giới hạn
Tiền và tương đương tiền	49% TTS
Tài sản phát hành bởi nhóm công ty có quan hệ sở hữu	30% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	20% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	10% GTLH
Cổ phiếu/Trái phiếu chuẩn bị niêm yết/ĐKGD	10% TTS
Tổng hạng mục đầu tư lớn (từ 5%TTS trở lên)	40% TTS

(TTS: Tổng giá trị tài sản của Quỹ; GTLH: Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành; ĐKGD: Đăng ký giao dịch)

CHỈ SỐ RỦI RO

	VF4	VN-Index
Hệ số Beta	0.8	1.0
Độ lệch chuẩn (%)	18.2	16.3
Hệ số Sharpe	0.9	1.2

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

QUỸ ĐẦU TƯ VFA

Tháng 10-2014

THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVFA
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VND
Ngày bắt đầu hoạt động	02/04/2010
Ngày chuyển đổi sang quỹ mở	18/4/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	HSBC Việt Nam
Đại lý chuyển nhượng	HSBC Việt Nam
Đại lý phân phối	VFM, HSC, VCSC, KIS, VDSC, FPTC
Phí quản lý	Tối đa 2%/NAV/năm
Phí phát hành	Từ 0.2% - 1% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0.5% - 1.5% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0.2% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	Thứ Sáu hàng tuần (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Tái tục đầu tư

Tổng NAV (tỷ VNĐ)	90.1
Số lượng CCQ đang lưu hành	11,885,261.7
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	7,901.8
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	7,090.3
Tỷ lệ chi phí (%)	2.2
Vòng quay tài sản (%)	215.3

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu chính của Quỹ VFMVFA là nắm bắt được xu hướng tăng trung hạn và dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam, song song với mục tiêu bảo toàn vốn khi thị trường diễn biến không thuận lợi, dựa trên mô hình đầu tư theo xu hướng (trend-following).

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

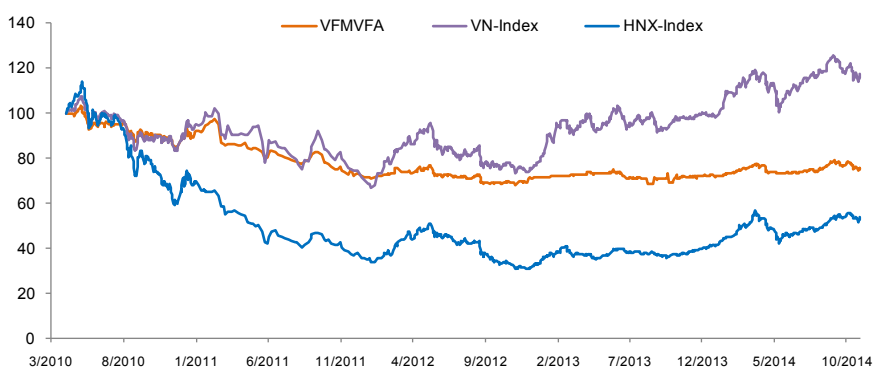
Trong tháng 10 năm 2014 thị trường cổ phiếu Việt Nam không có biến động nhiều khi mà VN-Index tăng 0.3% đạt mức 600.8 điểm còn HNX-Index giảm 0.7% đạt 88.0 điểm. Trong thời gian đó chỉ số VN30-Index giảm điểm với mức giảm 0.8%. Tại ngày 31 tháng 10 năm 2014, NAV/CCQ của Quỹ VFMVFA đạt 7,584.2 đồng/ccq, giảm 1.1% so với tháng trước.

Trong tháng 10/2014, các chiến lược đầu tư của Quỹ đã thực hiện thanh toán các cổ phiếu trên sàn HOSE nên cơ cấu tài sản của Quỹ thay đổi đáng kể khi tỷ trọng cổ phiếu trên sàn HOSE giảm xuống còn 40.6% NAV và còn lại 59.4% NAV Quỹ thực hiện đầu tư vào các tài sản phi rủi ro như tiền gửi kỳ hạn. Trong tháng, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ theo chiến lược không có thay đổi nhiều so với tháng trước khi chiến lược MATF trên cổ phiếu chiếm 29.0% NAV, chiến lược Chọn lọc tín hiệu chiếm 30.5% NAV, chiến lược HVTF1.0 chiếm 10.6% NAV và chiến lược HVTF1.1 chiếm 29.9% NAV.

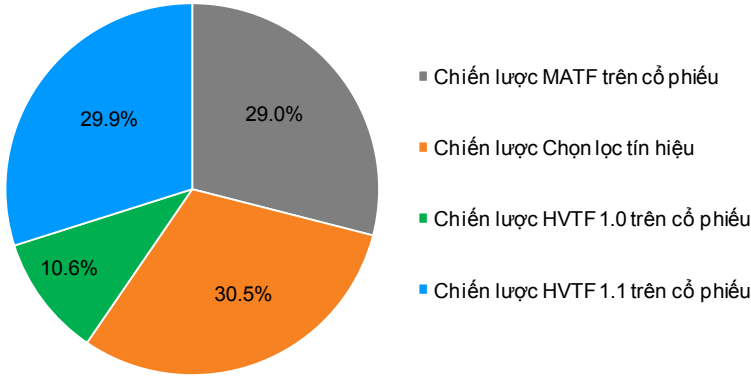
THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				Lũy kế từ khi hoạt động (02/4/2010)
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế 12 tháng	
VFMVFA	7,584.2	(1.1)	2.2	5.1	5.9	(24.2)
VN-Index	600.8	0.3	0.8	19.1	20.8	17.7
HNX-Index	88.0	(0.7)	11.1	29.8	42.8	(46.4)
VN30-Index	638.8	(0.8)	0.3	13.4	14.9	19.6

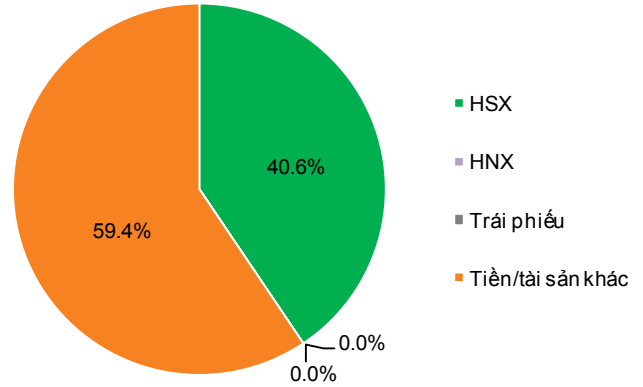
TĂNG TRƯỞNG NAV SO VỚI TĂNG TRƯỞNG INDEX 02/04/2010 = 100



CƠ CẤU DANH MỤC THEO CHIẾN LƯỢC (%NAV)



CƠ CẤU DANH MỤC THEO TÀI SẢN (%NAV)



CHỈ SỐ RỦI RO

	VFA	VN-Index
Hệ số Beta	0.2	1.0
Độ lệch chuẩn (%)	7.2	16.3
Hệ số Sharpe	0.1	1.2

CÁC GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

Tài sản đầu tư	Giới hạn
Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và công cụ thị trường tiền tệ...	49% TTS
Tài sản phát hành bởi nhóm công ty có quan hệ sở hữu	30% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	20% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	10% GTLH
Cổ phiếu/Trái phiếu chuẩn bị niêm yết/ĐKGD	10% TTS
Tổng hạng mục đầu tư lớn (từ 5%TTS trở lên)	40% TTS

(TTS: Tổng giá trị tài sản của Quỹ; GTLH: Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành; ĐKGD: Đăng ký giao dịch)

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVFB
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VND
Ngày bắt đầu hoạt động	10/06/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Deutsche Bank AG HCM
Đại lý chuyển nhượng	Deutsche Bank AG HCM
Đại lý phân phối	HSC, KIS, VCSC, VDSC, VFM, FPT S
Phí quản lý	0.9%/NAV/năm
Phí phát hành	Từ 0.3% đến 0.6% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0% đến 1% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0.2% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	ngày thứ Sáu hàng tuần (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Chia cổ tức hàng năm (khi thỏa mãn các điều kiện được áp dụng)

Tổng NAV (tỷ VNĐ)	85.5
Số lượng CCQ đang lưu hành	7,161,871.7
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	11,983.2
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	10,132.1
Vòng quay tài sản trong năm (%)	232

Ông Trần Lê Minh - Quản lý danh mục đầu tư
ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489
Email: ir@vinafund.com

Ghi chú

(*) NAV của quỹ VFMVFB có biến động mạnh vào thời điểm ngày 8/8 và 26/9/2013 do thị trường xuất hiện các giao dịch với giá bất thường (mức độ chênh lệch giá lên tới 5% so với mặt bằng giá thị trường) của trái phiếu quỹ đang nắm giữ. Với phương pháp xác định NAV áp dụng trước thời điểm 1/10/2013, Quỹ VFMVFB bắt buộc phải định giá tài sản theo giá giao dịch bất thường nêu trên, NAV của quỹ sẽ không còn bị tác động bởi giá giao dịch bất thường nêu trên sau 2 tuần hoặc có các giao dịch khác xuất hiện trên thị trường. Các biến động này hoàn toàn mang tính kỹ thuật và không phản ánh chính xác tình hình hoạt động của quỹ. Sau ngày 1/10/2013, quỹ VFMVFB sẽ không bị tác động bởi các biến động bất thường tương tự.

(**) Chỉ số trái phiếu 1 năm và 2 năm do Dragon Capital Debt Management Limited thực hiện. Bản quyền thuộc về Dragon Capital Group. VFM sử dụng các chỉ số này với sự cho phép của Dragon Capital.

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu chính của Quỹ VFMVFB là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương, Trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam,...), giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Sau giai đoạn suy giảm liên tục trên tất cả các kỳ hạn, lợi suất trái phiếu chính phủ đã bắt đầu tăng nhẹ trở lại trong tháng 10-2014 trên cả thị trường sơ cấp và thứ cấp. Các đợt phát hành sơ cấp TPCP vào cuối tháng 10 đã không phát hành được toàn bộ khối lượng chào bán và nhu cầu về mua trái phiếu của các ngân hàng đã không còn mạnh mẽ như trong tháng trước đó. Các dấu hiệu cho thấy dường như lợi suất TPCP đã lập đáy trong tháng 10-2014. Thanh khoản thị trường vẫn được duy trì tốt với giá trị giao dịch bình quân phiên đạt 2,700 tỷ trong tháng 10 tuy có sự suy giảm nhẹ so với tháng 9. Giao dịch trái phiếu trong tháng tập trung vào trái phiếu có kỳ hạn 3 tới 5 năm. Trước xu hướng lãi suất giảm, các doanh nghiệp cũng tăng cường phát hành trái phiếu ra thị trường.

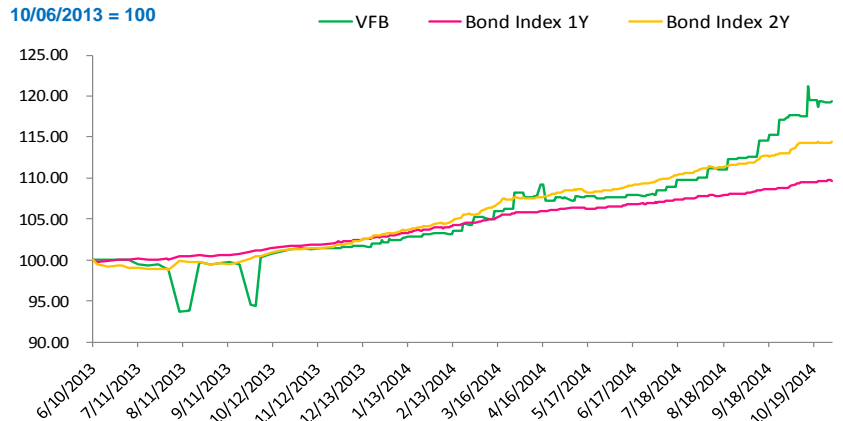
Quỹ VFMVFB vẫn duy trì được kết quả hoạt động tốt trong tháng 10 với mức tăng trưởng NAV/CCQ đạt 1.7% so với tháng trước đó và mức tăng trưởng trong năm đạt 16.5%. Kết quả này tốt hơn so với mức tăng trưởng của chỉ số so sánh. Trong tháng, trước xu hướng biến động của lợi suất, quỹ VFMVFB đã tiến hành bán khoản đầu tư vào trái phiếu kỳ hạn 5 năm để hiện thực hóa lợi nhuận, bảo toàn kết quả đầu tư. Với xu hướng mặt bằng lãi suất đang được thiết lập, quỹ VFMVFB đang tích cực tìm kiếm cơ hội đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp, đồng thời sẽ tiếp tục duy trì hoạt động mua bán TPCP để tìm kiếm lợi nhuận. Tới thời điểm 31/10/2014, hệ số quay vòng vốn của quỹ là 232%, phản ánh việc tích cực giao dịch thuận thủ theo chiến lược đầu tư của quỹ.

THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

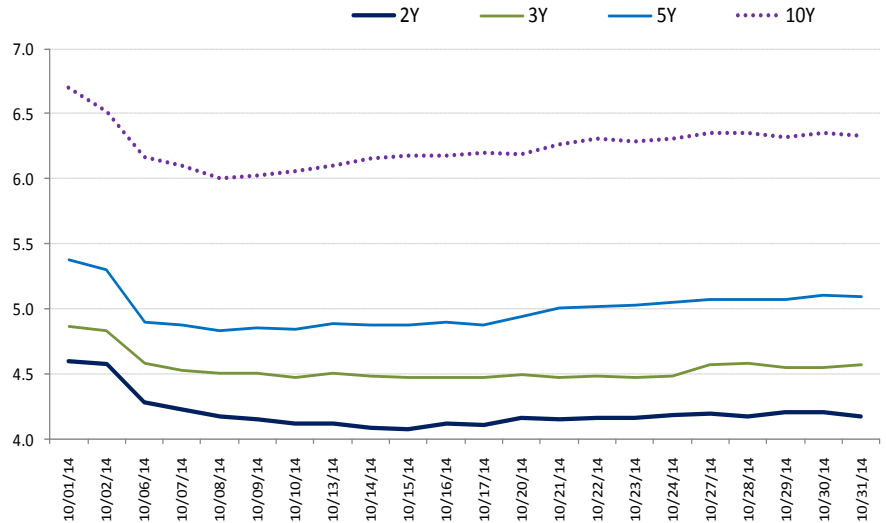
	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)			
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (10/6/2013)
VFMVFB	11,940.4	1.7	8.5	16.5	19.4
Bond-Index 1 năm	197.1	0.8	1.8	6.6	9.7
Bond-Index 2 năm	212.7	1.2	3.1	10.7	14.4

TĂNG TRƯỞNG NAV (*) SO VỚI BOND_INDEX (**)

10/06/2013 = 100



BIẾN ĐỘNG LỢI SUẤT CÁC KỲ HẠN CỦA TPCP TRONG THÁNG 10-2014



CÁC GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

Tài sản đầu tư	Giới hạn
Trái phiếu và giấy tờ có giá	≥ 80% TSR
Tài sản phát hành bởi nhóm công ty có quan hệ sở hữu	≤ 30% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	≤ 20% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	≤ 10% GTLH
Cổ phiếu/Trái phiếu chuẩn bị niêm yết/ĐKGD	≤ 10% TTS
Trái phiếu và CKPS bởi tổ chức phát hành tại VN	≤ 30% TTS

(TSR: Tổng giá trị tài sản ròng; TTS: Tổng giá trị tài sản của Quỹ)

GTLH: Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành;

ĐKGD: Đăng ký giao dịch; CKPS: Chứng khoán phái sinh)

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

ETF VFMVN30

Tháng 10 - 2014

THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	ETF VFMVN30
Mã giao dịch	E1VFMVN30
Mã trên Bloomberg	E1VFMVN30 VN Equity
Sàn niêm yết	HOSE
Loại hình quỹ	Quỹ hoán đổi danh mục
Chỉ số tham chiếu	VN30-Index
Tiền tệ	VNĐ
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Standard Chartered Bank VN
Đại lý chuyển nhượng	Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)
Đơn vị cung cấp chỉ số	Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)
Thành viên lập quỹ	HSC, BVSC, TVSI, ACBS
Lô chứng chỉ quỹ ETF	1 (một) lô ETF tương ứng với 100.000 chứng chỉ quỹ ETF.
Tần suất giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ	- 2 lần/ tuần trong tháng 11/ 2014 - Hàng ngày sau ngày 8/12/2014
Phí quản lý	0.65%/NAV/năm
Phí phát hành	Miễn phí
Phí mua lại	Từ 0% đến 0.15%
Phân phối lợi nhuận	Hàng năm

Tổng giá trị tài sản ròng (tỷ VNĐ)	214.9
Số lượng CCQ đang lưu hành	21,700,000
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	10,254.5
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	9,518.3
Tỷ lệ chi phí (%)	1.2
Mức sai lệch sv chỉ số tham chiếu (%)	0.24

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số tham chiếu VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30 là chỉ số giá (price index) do Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.

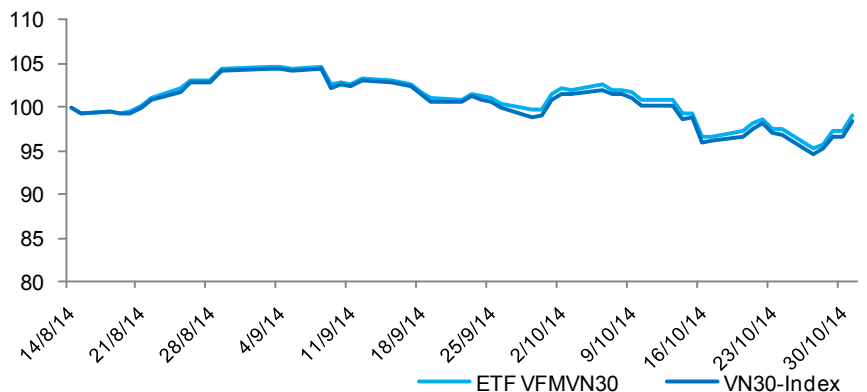
Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VN30 có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN30 về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Giá trị danh mục đầu tư của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá trị danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu VN30.

THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

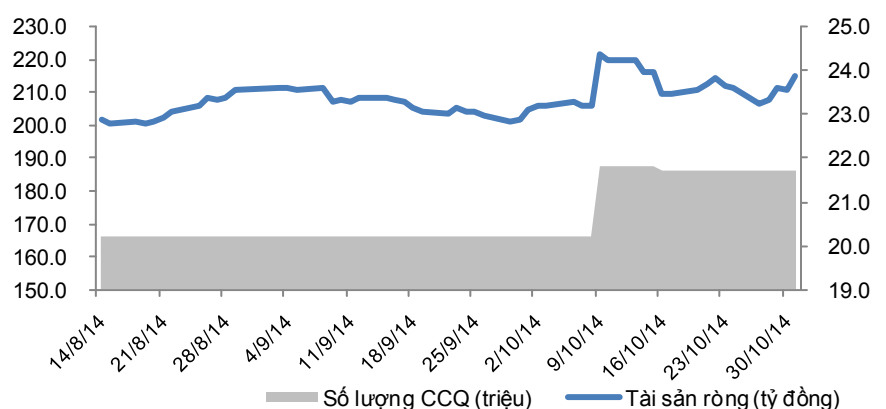
	NAVCCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				Lũy kế từ khi kết thúc đăng ký góp vốn (14/8/2014)
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế 12 tháng	
ETF VFMVN30	9,902.5	(0.8)	NA	NA	NA	(1.0)
VN30-Index	638.8	(0.8)	0.3	13.4	14.9	(1.7)

NAV ETF VFMVN30 VÀ CHỈ SỐ THAM CHIẾU

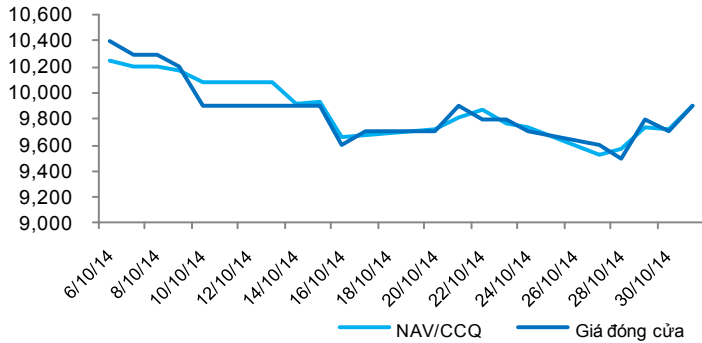
14/08/2014 = 100



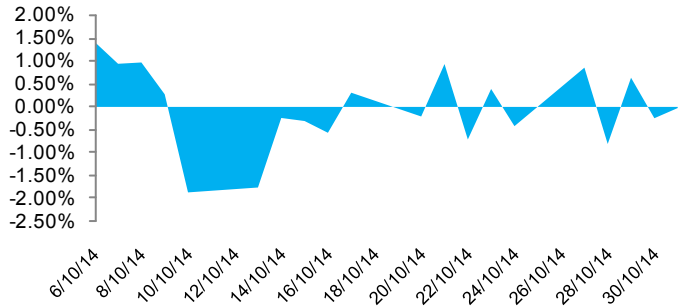
TÀI SẢN RÒNG VÀ SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ



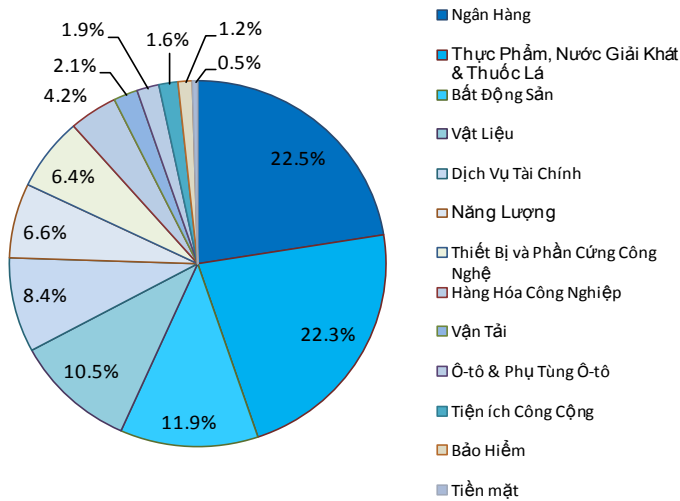
NAV/CCQ VÀ GIÁ ĐÓNG CỬA



MỨC CHÊNH LỆCH GIÁ VÀ NAV (+/-)



PHÂN BỐ TÀI SẢN (%NAV)



CHỈ SỐ CƠ BẢN

	ETF VFMVN30
Tỷ suất sinh lời cổ tức (%)	3.3
Hệ số P/E	13.1
Hệ số P/B	1.9
Số lượng cổ phiếu	30

CHỈ SỐ RỦI RO

	ETF VFMVN30
Hệ số Beta so với VN-Index	NA
Độ biến động bình quân năm (%)	16.5
Tỷ lệ Sharpe	NA

DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

Cổ phiếu	Số lượng	Giá trị (tỷ đồng)	% NAV	Sở hữu nước ngoài/room	Cổ phiếu	Số lượng	Giá trị (tỷ đồng)	% NAV	Sở hữu nước ngoài/room
VIC	466,550	22.4	10.4%	30.7%	DPM	149,730	4.5	2.1%	47.8%
VNM	193,130	20.3	9.4%	100.0%	GMD	97,650	3.4	1.6%	100.0%
MSN	230,020	18.7	8.7%	70.7%	FLC	275,590	3.1	1.4%	26.9%
STB	898,380	17.2	8.0%	27.6%	ITA	351,540	3.1	1.4%	31.0%
HPG	284,270	15.6	7.3%	88.1%	BVH	67,270	2.6	1.2%	49.6%
FPT	271,250	13.8	6.4%	100.0%	DRC	41,230	2.6	1.2%	76.6%
PVD	134,540	12.6	5.9%	85.0%	HSG	47,740	2.4	1.1%	90.8%
EIB	846,300	10.2	4.7%	88.3%	PPC	93,310	2.4	1.1%	34.3%
KDC	149,730	9.0	4.2%	67.9%	HCM	49,910	1.8	0.9%	100.0%
HAG	349,370	8.6	4.0%	58.8%	PVT	88,970	1.5	0.7%	22.5%
MBB	624,960	8.3	3.9%	100.0%	CSM	32,550	1.5	0.7%	53.8%
VCB	262,570	7.3	3.4%	69.0%	VSH	80,290	1.2	0.5%	53.1%
SSI	206,150	6.4	3.0%	73.9%	OGC	117,180	1.1	0.5%	22.7%
CTG	366,730	5.4	2.5%	95.9%	CII	56,420	1.1	0.5%	100.0%
REE	169,260	4.9	2.3%	98.7%	IJC	67,270	0.9	0.4%	22.7%

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.



VIETFUND
MANAGEMENT

HEAD OFFICE

Suite 1701-04, 17th Floor, Melinh Point Tower
2, Ngo Duc Ke, District 1, HCMC
Tel: +84 8 3825 1488 | Fax: +84 8 3825 1489
Hotline. +84 8 3825 1480

BRANCH OFFICE IN HA NOI

Room 5A2, Level 5A, BIDV Tower, 194 Tran Quang Khai
Street
Hoan Kiem District, Hanoi
Tel: +84 4 3942 8168 | Fax: +84 4 3942 8169

www.vinafund.com